

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ ĐÔNG DƯƠNG DELTA

CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ ĐÔNG DƯƠNG DELTA

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: Indochina Delta Investment Construction And Trading Service Joint Stock Company

Tên công ty viết tắt: Công ty ID

2. Mã số doanh nghiệp: 0109534641

3. Ngày thành lập: 01/03/2021

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số 91 Phố Lý Nam Đế, Phường Cửa Đông, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0913239691

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan Chi tiết: - Khảo sát xây dựng, Khảo sát địa hình; Khảo sát địa chất, địa chất thủy văn công trình. (Điều 46 Nghị định 59/2015/NĐ-CP) - Hoạt động kiến trúc - Hoạt động đo đạc và bản đồ - Hoạt động thăm dò địa chất, nguồn nước - Lập, thẩm tra dự án đầu tư xây dựng (Điều 62 NĐ số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/06/2015 về quản lý dự án đầu tư xây dựng) - Tư vấn quản lý dự án đầu tư xây dựng (Điều 65 Luật Xây Dựng 50/2014/QH13) (chỉ hoạt động khi có đủ điều kiện năng lực theo quy định của pháp luật); - Giám sát thi công xây dựng công trình (Điều 120 Luật Xây Dựng 50/2014/QH13) - Thẩm định dự án đầu tư xây dựng (Điều 56- Luật xây dựng 50/2014/QH13) - Dịch vụ tư vấn kiến trúc gồm: Thiết kế và phác thảo công trình (Điều 78 Luật Xây dựng 2014)	7110(Chính)
2.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
3.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
4.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322
5.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329

6.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
7.	Dịch vụ hỗ trợ tổng hợp	8110
8.	Vệ sinh chung nhà cửa	8121
9.	Vệ sinh công nghiệp và các công trình chuyên biệt	8129
10.	Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan	8130
11.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752
12.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng	4659
13.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác Chi tiết: + Xây dựng nền móng, bao gồm cả ép cọc, + Các công việc về chống ẩm và chống thấm nước, + Chống ẩm các toà nhà, + Đào giếng (trong ngành khai thác mỏ), + Lắp dựng các kết cấu thép không thể sản xuất nguyên khối, + Uốn thép, + Xây gạch và đặt đá, + Lợp mái các công trình nhà để ở, + Lắp dựng và dỡ bỏ cốp pha, giàn giáo, loại trừ hoạt động thuê cốp pha, giàn giáo, + Lắp dựng ống khói và lò sấy công nghiệp, + Các công việc đòi hỏi chuyên môn cần thiết như kỹ năng trèo và sử dụng các thiết bị liên quan, ví dụ làm việc ở tầng cao trên các công trình cao. - Các công việc dưới bề mặt; - Xây dựng bể bơi ngoài trời; - Rửa bằng hơi nước, phun cát và các hoạt động tương tự cho mặt ngoài công trình nhà; - Thuê cần trục có người điều khiển.	4390
14.	Đại lý du lịch	7911
15.	Điều hành tua du lịch	7912
16.	Dịch vụ đặt chỗ và các dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch	7990
17.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại	8230
18.	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222
19.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải Chi tiết: Dịch vụ làm thủ tục visa, hộ chiếu Đại lý bán vé máy bay, tàu hỏa; Logistics	5229
20.	Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu Chi tiết: Hoạt động tư vấn đầu tư;	6619
21.	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất (Loại trừ đấu giá)	6820

22.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại Chi tiết: - Bán buôn sắt thép và kim loại màu ở dạng nguyên sinh; - Bán buôn bán thành phẩm bằng sắt thép và kim loại màu;	4662
23.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình Chi tiết: - Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện; - Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự	4649
24.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa (Loại trừ đấu giá)	4610
25.	Quảng cáo	7310
26.	Phá dỡ	4311
27.	Xây dựng công trình đường bộ	4212
28.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác	4530
29.	Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét	2392
30.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759
31.	Xây dựng công trình đường sắt	4211
32.	Xây dựng công trình điện	4221
33.	Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc	4223
34.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh	8299
35.	Xây dựng công trình công ích khác Chi tiết: - Xây dựng công trình xử lý bùn. - Xây dựng các công trình công ích khác chưa được phân vào đâu.	4229
36.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4711
37.	Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4719
38.	Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh	4772
39.	Sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng	2640
40.	Sản xuất đồ điện dân dụng	2750
41.	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320
42.	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: (Loại trừ kinh doanh các lĩnh vực: tem, súng đạn, tiền kim khí, vàng miếng)	4773

43.	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại Chi tiết: - Mạ, đánh bóng kim loại... - Xử lý kim loại bằng phương pháp nhiệt; - Phun cát, trộn, làm sạch kim loại; - Nhuộm màu, chạm, in kim loại; - Phủ á kim như: Tráng men, sơn mài... - Mài, đánh bóng kim loại; - Khoan, tiện, nghiền, mài, bào, đục, cưa, đánh bóng, hàn, nối... các phần của khung kim loại; - Cắt hoặc viết lên kim loại bằng các phương tiện tia lazer.	2592
44.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày Chi tiết: Khách sạn	5510
45.	Cho thuê xe có động cơ Chi tiết: Cho thuê ô tô	7710
46.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển Chi tiết: Cho thuê máy móc, thiết bị xây dựng không kèm người điều khiển	7730
47.	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)	4931
48.	Vận tải hành khách đường bộ khác	4932
49.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
50.	Vận tải hành khách đường thủy nội địa	5021
51.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210
52.	Bốc xếp hàng hóa	5224
53.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ	5225
54.	Dịch vụ hành chính văn phòng tổng hợp	8211
55.	Sửa chữa thiết bị khác	3319
56.	Sửa chữa máy móc, thiết bị	3312
57.	Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học	3313
58.	Sửa chữa thiết bị điện	3314
59.	Sửa chữa các sản phẩm kim loại đúc sẵn	3311
60.	Đóng tàu và cầu kiện nổi	3011
61.	Sản xuất phương tiện và thiết bị vận tải khác chưa được phân vào đâu	3099
62.	Sản xuất phụ tùng và bộ phận phụ trợ cho xe ô tô và xe có động cơ khác	2930
63.	Sản xuất thân xe ô tô và xe có động cơ khác, rơ moóc và bán rơ moóc	2920
64.	Sản xuất ô tô và xe có động cơ khác	2910
65.	Sản xuất máy cho ngành dệt, may và da	2826

66.	Sản xuất máy chế biến thực phẩm, đồ uống và thuốc lá	2825
67.	Sản xuất máy khai thác mỏ và xây dựng	2824
68.	Sản xuất máy móc và thiết bị văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính)	2817
69.	Sản xuất thiết bị điện khác	2790
70.	Sản xuất thiết bị điện chiếu sáng	2740
71.	Sản xuất thiết bị dây dẫn điện các loại	2733
72.	Sản xuất dây, cáp điện và điện tử khác	2732
73.	Sản xuất dây cáp, sợi cáp quang học	2731
74.	Sản xuất thiết bị đo lường, kiểm tra, định hướng và điều khiển	2651
75.	Sản xuất linh kiện điện tử	2610
76.	Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu	2599
77.	Sản xuất dao kéo, dụng cụ cầm tay và đồ kim loại thông dụng	2593
78.	Rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại	2591
79.	Sản xuất thủy tinh và sản phẩm từ thủy tinh	2310
80.	Sản xuất sản phẩm từ plastic	2220
81.	Sản xuất thiết bị truyền thông	2630
82.	Sản xuất băng, đĩa từ tính và quang học	2680

6. Vốn điều lệ: 2.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

7. Số cổ phần được quyền chào bán: 200.000

8. Cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	NGUYỄN ĐÌNH TÙNG	Số 47 Ngõ 12 Chùa Bộc, Phường Quang Trung, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	20.000	200.000.000	10,000	040057000369	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	20.000	200.000.000	10,000		
2	NGUYỄN TIẾN BẮC	Số 27 Đường Lê Duẩn, Phường Cửa Nam, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	20.000	200.000.000	10,000	010037245	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	20.000	200.000.000	10,000		

3	QUẢN ĐỨC TIỀN	Xóm Phúc Thọ, Xã Nghĩa Trụ, Huyện Văn Giang, Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	20.000	200.000.000	10,000	C6166891
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000	
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000	
			Tổng số	20.000	200.000.000	10,000	
4	NGUYỄN VĂN THÀNH	Thôn Bản Sao, Xã Tri Phú, Huyện Chiêm Hoá, Tỉnh Tuyên Quang, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	120.000	1.200.000.000	60,000	070941891
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000	
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000	
			Tổng số	120.000	1.200.000.000	60,000	
5	NGUYỄN PHƯƠNG ĐÔNG	Số 27 Nam Tràng, Phường Trúc Bạch, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	20.000	200.000.000	10,000	011375546
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000	
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000	
			Tổng số	20.000	200.000.000	10,000	

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
-----	-------------	--	--------------	------------	---	-----------	---	---------

10. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: NGUYỄN ĐÌNH TÙNG

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 03/07/1957

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 040057000369

Ngày cấp: 27/04/2018

Nơi cấp: Cục Cs ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 47 Ngõ 12 Chùa Bộc, Phường Quang Trung, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Số 47 Ngõ 12 Chùa Bộc, Phường Quang Trung, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội